TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-6-2023
V/v Ly hôn giữa
chị H và anh B.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân
2. Ông Nguyễn Văn Thực

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06-6-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 06-4-2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-5-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị H, sinh năm 1981.
ĐKHK: thôn Kh, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình.
Tạm trú: thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Bắc, sinh năm 1979.
Địa chỉ: thôn Kh, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình.
(chị H, anh B đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh B là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã L vào ngày 18/3/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, anh B thường xuyên rượu chè đánh đập vợ con, chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn anh B. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 10/11/2007. Hiện nay cháu Q đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu H, chị xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn Bắc trình bày: Về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2020 và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh, anh không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng chị H cố tình ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 10/11/2007. Hiện nay cháu Q đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn anh tôn trọng quan điểm của cháu H cháu xin ở với chị H anh đồng ý. Về chia tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của cháu Nguyễn Thị Quỳnh H: Nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ là Phạm Thị H.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị H và anh B. Về nuôi con chung: cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2000 đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết. Giao cho chị H trực tiếp nuôi con cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 10/11/2007, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, anh B được quyền thăm nom con chung. Về chia tài sản chung: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh B, trú tại thôn Kh, xã L, huyện H; Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

H, tỉnh Thái Bình. Chị H, anh B đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H, anh B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 18/3/2000, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Chị H xin ly hôn anh B cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị H và anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H, anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2000, hiện nay cháu Quỳnh đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết; cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 10/11/2007, khi ly hôn chị H xin nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con, anh B cũng đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, HĐXX thấy đây là sự thỏa thuận của chị H, anh B phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Bắc.

2. ***Về nuôi con chung***: Chị H, anh B có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2000 đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết. Giao cho chị H nuôi cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 10/11/2007, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản chung***: Không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí số 0004097 ngày 06-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn